TRUNG TÂM CÔNG BÁO VÀ TIN HỌC
ttcbth@quangngai.gov.vn
07.06.2023 16:50:23 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 07/06/2023 16:46:30

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 6 năm 2023*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Kế hoạch số 1744/KH-BNN-KTHT ngày 22/3/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sơ kết 05 năm thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/8/2018 của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH 98/2018/NĐ-CP

1. Việc ban hành các văn bản

- Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 21/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Công văn số 7205/UBND-NNTN ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/8/2018 của Chính phủ.

- Công văn số 2630/UBND-NNTN ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh thống nhất không xây dựng chính sách đặc thù riêng hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại tỉnh mà chỉ triển khai thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

- Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 24/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Công văn số 2020/UBND-KTN ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh thống nhất việc dừng thực hiện nhiệm vụ xây dựng Quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Công tác tuyên truyền

- Tập huấn, tuyên truyền cho 320 người tham gia (*lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo UBND xã, Hợp tác xã, Doanh nghiệp)*; tuyên truyền, vận động HTX thực hiện mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản thực hiện hưởng hỗ trợ theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

- Công tác tuyên truyền, vận động luôn được quan tâm duy trì thường xuyên trên các kênh, phương tiện thông tin, góp phần nâng cao nhận thức của người dân, người sản xuất nhằm kịp thời nắm bắt các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Hội Nông dân các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao xây dựng *chuyên mục nông dân* phát trên sóng phát thanh của Đài truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời thường xuyên gửi tin, bài, hình ảnh để tuyên truyền các hoạt động liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị của các hội viên, nông dân, các trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp trên Website, bản tin của Hội Nông dân tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

3. Công tác chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 7205/UBND-NNTN ngày 26/11/2018 chỉ đạo các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Liên minh Hợp tác xã, các Tổ chức chính trị - xã hội và các hội, hiệp hội ngành hàng và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai và tham mưu thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ.

- Các Sở, ban ngành trong tỉnh phối hợp với chính quyền địa phương tập trung thực hiện các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia các chương trình, dự án phát triển sản xuất và nâng cao đời sống ở khu vực nông thôn. Phối hợp với các đơn vị, tổ chức liên quan thực hiện thường xuyên công tác hỗ trợ, triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp thông tin về giá cả, dự báo thị trường sản phẩm nông nghiệp cho doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân. Vận động doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia các lớp tập huấn, tuyên truyền các chính sách về hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hội viên, nông dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Trong những năm 2018 - 2022, Hội Nông dân tỉnh, huyện, thị xã và thành phố đã vận động doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân tham gia tập huấn nâng cao năng lực quản lý hợp tác xã và phát triển thương hiệu.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Trong giai đoạn từ năm 2018 - 2022, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chưa có HTX, doanh nghiệp, cá nhân, hộ nông dân xây dựng dự án/kế hoạch thực hiện theo chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, có một số trang trại và hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo các hình thức liên kết của Nghị định 98/2018/NĐ-CP với các doanh nghiệp. Cụ thể: Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty Thái Việt liên kết và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn huyện Mộ Đức, Sơn Tịnh, Bình Sơn; Công ty bò sữa Vinamilk liên kết sản xuất và tiêu thụ ngô sinh khối trên địa bàn huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành; Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín liên kết sản xuất lúa hữu cơ với một số hợp tác xã trên địa bàn huyện Nghĩa Hành; Công ty TNHH Nông lâm nghiệp TBT liên kết với hợp tác xã trên địa bàn huyện Mộ Đức sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP; Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao QNASAFE liên kết sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; tổ hợp tác, hợp tác xã ở huyện Sơn Hà liên kết đưa một số hàng nông sản của người đồng bào Hre (gà kiến, rau rừng, ớt xiêm,...) vào hệ thống siêu thị BigC nhưng không thực hiện làm hồ sơ, thủ tục để được hưởng các chính sách theo quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

(Có phụ lục 01, 01a, 06a kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT

1. Khó khăn, vướng mắc

- Thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/8/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiên. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP quy định trách nhiệm của UBND tỉnh là trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai xây dựng chính sách có nhiều yếu tố khó khăn nên chưa ban hành được chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Công tác xây dựng, hình thành, phát triển chuỗi cung ứng, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua chỉ dừng lại ở mức liên kết của các nhà sản xuất, kinh doanh có điều kiện kinh tế và quy mô sản xuất lớn, sự liên kết chưa được ổn định và duy trì phát triển, nhiều mô hình liên kết tồn tại trong thời gian ngắn, hiệu quả chưa cao. Tỷ lệ các hộ tham gia liên kết sản xuất thấp so với số hộ nông dân sản xuất nông nghiệp trên toàn tỉnh. Mối liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp và nhà phân phối trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm vẫn còn lỏng lẻo, sản phẩm chưa tiêu thụ được nhiều, giá trị gia tăng chưa cao,... Đa số các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản thực phẩm trên địa bàn tỉnh có quy mô còn nhỏ lẻ, manh

mún; nhận thức của một bộ phận người sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản còn chưa đầy đủ dẫn đến việc liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với các doanh nghiệp còn ít.

- Các cơ sở hiện vẫn còn gặp khó khăn trong đầu tư vùng nguyên liệu vì thiếu nguồn đất từ địa phương, khó dồn điền đổi thửa, việc chuyển đổi mục đích sử dụng của đất nông nghiệp còn vướng bởi Luật Đất đai. Các hợp đồng liên kết giữa người dân - hợp tác xã - doanh nghiệp vẫn còn thiếu bền vững, chưa có tính ràng buộc pháp lý. Các bên tham gia còn thiếu tin tưởng, chia sẻ với nhau, nhất là trong thời điểm giá cả thị trường có sự biến động.

- Quy trình, thủ tục thực hiện hỗ trợ còn phức tạp cho doanh nghiệp, hợp tác xã, các trang trại và người nông dân; nhận thức của nông dân về liên doanh, liên kết hình thành chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp chưa cao. Nông dân chưa thấy được lợi ích lâu dài của việc liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản; doanh nghiệp chưa chú trọng vào khâu đầu tư vùng nguyên liệu để thực hiện hợp đồng sản xuất bền vững.

2. Giải pháp khắc phục

- Chỉ đạo các Sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác tuyên truyền, vận động và triển khai thực hiện Nghị định 98/2018/NĐ-CP; đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, tăng cường lồng ghép công tác tuyên truyền vào các chương trình hội nghị, hội thảo, các buổi sinh hoạt của các tổ chức hội, HTX, nông dân để thông tin kịp thời, nhanh chóng đến các đối tượng thụ hưởng, giúp họ nắm và thực hiện có hiệu quả.

- Trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho người quản lý, hợp tác xã, nông dân, trang trại và doanh nghiệp; quan tâm hỗ trợ kết cấu hạ tầng để hợp tác xã đủ năng lực, đại diện cho nông dân ký kết hợp đồng liên kết với các doanh nghiệp. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thông tin thị trường, hỗ trợ giới thiệu kết nối doanh nghiệp có năng lực, uy tín tham gia liên kết tiêu thụ để nông dân yên tâm sản xuất.

- Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp tập trung một hay một nhóm sản phẩm nông nghiệp cùng loại có quy mô phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện của mỗi địa phương có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp liên kết với HTX. Rà soát và hỗ trợ các doanh nghiệp có đủ tiềm lực để xây dựng và triển khai dự án phát triển vùng nguyên liệu ổn định và mô hình liên kết tiêu thụ, phát triển chuỗi giá trị thông qua các gói hỗ trợ cụ thể đối với từng doanh nghiệp.

Kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu VT, KTN (lnphong267)

Phụ lục 01

DANH MỤC VĂN BẢN, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 98/2018/NĐ-CP TỈNH ĐÃ BAN HÀNH

(Kèm theo Báo cáo số: 105 /BC-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Số hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Đơn vị ban hành	Tên văn bản	Ghi chú
1	Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND	7/21/2020	Hội đồng nhân dân	Quy định chính sách khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh	
2	Công văn số 2630/UBND-NNTN	6/10/2020	UBND tỉnh	Về việc xây dựng chính sách đặc thù riêng hỗ trợ khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	
3	Quyết định số 248/QĐ-UBND	3/24/2022	Chủ tịch UBND tỉnh	về việc phê duyệt danh mục các ngành hàng, sản phẩm quan trọng khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh	
4	Công văn số 2020/UBND-KTN	4/29/2022	UBND tỉnh	thực hiện nhiệm vụ xây dựng Quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	

Phụ lục 01a

KẾT QUẢ QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2018/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số: 405 /BC-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Ban hành chính sách (Nghị quyết của HĐND tỉnh) về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết	Văn bản		Chưa ban hành
2	Ban hành Quyết định của UBND tỉnh về danh mục ngành hàng, sản phẩm cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ liên kết	Văn bản	1	Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 24/3/2022
3	Ban hành quy định về phân cấp phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết	Văn bản	1	Công văn số 2020/UBND-KTN ngày 29/4/2022
4	Ban hành quyết định của UBND tỉnh quy định về triển khai chính sách	Văn bản		Chưa ban hành
5	Ban hành hướng dẫn liên ngành	Văn bản		Không ban hành
6	Ban hành hướng dẫn chuyên môn	Văn bản		Không ban hành
7	Ban hành văn bản chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh, huyện	Văn bản	1	Công văn số 7205/UBND-KTN ngày 26/11/2018
8	Ban hành văn bản giao cơ quan chuyên môn làm đầu mối để thực hiện, theo dõi, báo cáo tình hình triển khai cấp tỉnh	Văn bản		Không ban hành
9	Số lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo triển khai chính sách	lớp	2	
10	Số người (nông dân, doanh nghiệp, tổ chức) được tham gia các lớp tập huấn, tuyên tuyền về chính sách	người	320	

Phụ lục 06a

ĐÁNH GIÁ HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC VỀ NỘI DUNG CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH 98/2018/NĐ-CP

(Kèm theo Báo cáo số: 105 /BC-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Bất cập, vướng mắc khi triển khai liên kết theo NĐ 98/2018/NĐ-CP	Gợi ý đánh giá	Đánh giá của địa phương	Diễn giải bất cập/hạn chế/ vướng mắc?	Đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách
1	**Các hình thức liên kết (Điều 4, Nghị định 98/2018/NĐ-CP)**				
1.1	1. Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 2. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 3. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 4. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 5. Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 6. Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. 7. Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.	1. Phu hợp 2. Chưa phù hợp	Phù hợp		
2	**Dự án liên kết (Điều 6, Nghị định 98)**				
2.1	Quy định về Dự án liên kết là dự án do doanh nghiệp hoặc hợp tác xã và các bên tham gia hợp đồng liên kết cùng thỏa thuận, xây dựng và triển khai đầu tư liên kết theo các hình thức quy định tại Điều 4 Nghị định này.	1. Rõ ràng 2. Chưa rõ ràng, đầy đủ	Rõ ràng		
2.2	Quy định về kế hoạch liên kết	1. Rõ ràng 2. Chưa rõ ràng, đầy đủ	Rõ ràng		
3	**Chính sách hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (Điều 7, Nghị định 98/2018/NĐ-CP)**				
3.1	Mức hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết là 100%, tối đa không quá 300 triệu đồng (Khoản 1, Điều 7)	1. Thấp 2. Phù hợp 3. Cao	Phù hợp		
3.2	Nội dung tư vấn xây dựng liên kế: tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.	1. Phù hợp 2. Chưa phù hợp	Phù hợp		
3.3	Quy định về nguồn vốn hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (Khoản 2, Điều 7)	1. Rõ ràng 2. Chưa rõ ràng, đầy đủ	Rõ ràng		

4	**Chính sách hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (Điều 8, Nghị định 98/2018/NĐ-CP)**				
4.1	Mức hỗ trợ về hạ tầng liên kết cho dự án liên kết là 30% (Khoản 1, Điều 8)	1. Thấp 2. Phù hợp 3. Cao	Thấp	Đầu tư về hạ tầng cần chi phí lớn, trong khi tiềm lực về vốn của các cơ sở địa phương còn hạn chế, việc sản xuất kinh doanh đối với ngành nghề nông nghiệp lợi nhuận ít, chậm thu hồi vốn, nên với mức hỗ trợ 30% chưa thu hút doanh nghiệp trong việc tham gia dự án liên kết	Mức hỗ trợ về hạ tầng liên kết cho dự án liên kết là 50%
4.2	Tổng mức hỗ trợ cơ sở hạ tầng liên kết tối đa không quá 10 tỷ đồng (Khoản 1, Điều 8)	1. Thấp 2. Phù hợp 3. Cao	Phù hợp		
4.3	Nội dung hỗ trợ bao gồm: máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	1. Chưa đầy đủ 2. Đầy đủ	Đầy đủ		
4.4	Nguồn kinh phí hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (Khoản 2, Điều 8)	1. Rõ ràng 2. Chưa rõ ràng, đầy đủ	Rõ ràng		
5	**Chính sách hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (Điều 9, Nghị định 98/2018/NĐ - CP)**				
5.1	Hỗ trợ về xây dựng mô hình khuyến nông (điểm a, khoản 1)	1. Phù hợp 2. Cần xem xét, bổ sung	Phù hợp		
5.2	Hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn (điểm b, khoản 1)	1. Phù hợp 2. Cần xem xét, bổ sung	Phù hợp		
5.3	Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã (điểm c, khoản 1)	1. Phù hợp 2. Cần xem xét, bổ sung	Phù hợp		
5.4	Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (điểm d, khoản 1)	1. Phù hợp 2. Cần xem xét, bổ sung	Cần xem xét, bổ sung	Việc chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (điểm d, khoản 1) là rất cần thiết để thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp. Vì vậy cần mức hỗ trợ 100% chi phí để thuận lợi cho việc triển khai thực hiện	Hỗ trợ 100% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (điểm d, khoản 1)
5.5	Quy định về nguồn kinh phí, mức hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản 1 về xây dựng mô hình khuyến nông và điểm b, khoản 1 về đào tạo, tập huấn	1. Rõ ràng, đầy đủ 2. Chưa rõ ràng	Rõ ràng		

5.6	Quy định về nguồn kinh phí, mức hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản 1 về xây dựng mô hình khuyến nông và điểm b, khoản 1 về đào tạo, tập huấn	1. Rõ ràng, đầy đủ 2. Chưa rõ ràng	Rõ ràng		
6	**Quy định về điều kiện để được hỗ trợ (Điều 11, Nghị định 98/2018/NĐ-CP)**				
6.1	Quy định liên kết đảm bảo ổn định: a) Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm; b) Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.	1. Phù hợp 2. Chưa phù hợp	Phù hợp		
6.2	Quy định điều kiện khác (nếu có)	1. Phù hợp 2. Chưa phù hợp	Phù hợp		
7	**Điều 12. Hồ sơ và trình tự thủ tục hỗ trợ liên kết**				
7.1	Quy định về hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết (Khoản 1, Điều 12)	1. Phù hợp 2. Chưa phù hợp	Phù hợp		
7.2	Quy định về trình tự, thủ tục trình phê duyệt hồ sơ liên kết (Khoản 2, Điều 12)	1. Phù hợp 2. Chưa phù hợp	Phù hợp		
8	**Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ (Điều 16)**				
8.1	Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Khoản 1, Điều 16)	1. Phù hợp, đầy đủ 2. Chưa phù hợp			
8.2	Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Khoản 2, Điều 16)	1. Phù hợp, đầy đủ 2. Chưa phù hợp			
8.3	Trách nhiệm của Bộ Tài chính (Khoản 3, Điều 16)	1. Phù hợp, đầy đủ 2. Chưa phù hợp			
8.4	Trách nhiệm của Bộ Công thương (Khoản 4, Điều 16)	1. Phù hợp, đầy đủ 2. Chưa phù hợp			
9	**Trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố (Điều 17)**	1. Phù hợp, đầy đủ 2. Chưa phù hợp			
10	**Trách nhiệm của các tổ chức chính trị xã hội và các hội, hiệp hội ngành hàng (Điều 18)**	1. Phù hợp, đầy đủ 2. Chưa phù hợp			
11	**Các quy định khác trong Nghi định 98/2018/NĐ -CP**	1. Đầy đủ, rõ ràng 2. Cần sửa đổi, bổ sung thêm			